

Số: 1450 /LĐTBXH-KHTC
V/v xử lý kinh phí thực hiện chính sách
ưu đãi người có công cuối năm 2014.

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2015

Kính gửi: - Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương
- Cục Người có công

Thực hiện Công văn số 5271/BTC-HCSN ngày 21/04/2015 của Bộ Tài chính về chuyển số dư kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng năm 2014 sang năm 2015, Bộ có ý kiến như sau:

1. Số dư dự toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng cuối năm 2014 của 22 Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Cục Người có công được chuyển sang năm 2015 để tiếp tục sử dụng và quyết toán vào niên độ ngân sách 2015 theo chế độ quy định là 249.041.599.802đ (Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm).

2. Đối với số dư tạm ứng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng cuối năm 2014, được chuyển sang năm 2015 sử dụng và quyết toán theo chế độ quy định (không phải xét chuyển) theo quy định tại điểm a, khoản 5, mục I Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Ngoài số kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được chuyển sang năm 2015 sử dụng và quyết toán theo chế độ quy định nêu tại điểm 1, 2 của Công văn này, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, nộp trả ngân sách Nhà nước số dư kinh phí tạm ứng đã hết nhiệm vụ chi và làm thủ tục hủy số dư dự toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công cuối năm 2014 tại Kho bạc Nhà nước theo quy định không được chuyển sang năm 2015.

4. Đối với số dư dự toán 141.000.000.000đ kinh phí thực hiện đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin, Bộ Tài chính đã thực hiện điều chỉnh giảm dự toán chi đảm bảo xã hội năm 2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để điều chỉnh tăng dự toán chi đầu tư phát triển năm 2014 của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam để thực hiện đầu tư nâng cấp cơ sở giám định gen theo Nghị quyết số 856/NQ-UBTVQH13 ngày 23/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định số 3347/QĐ-BTC ngày 26/12/2014 của Bộ Tài chính.

5. Đối với kinh phí thực hiện tổng rà soát việc thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng theo Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 27/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ đến cuối năm 2014 chưa sử dụng hết được

chuyển sang tiếp tục sử dụng và quyết toán vào niên độ ngân sách năm 2015 (nếu chưa kết thúc) theo Công văn số 10324/BTC-HCSN ngày 28/7/2014 của Bộ Tài chính.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thông báo để đơn vị biết, quản lý, sử dụng kinh phí và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đơn vị phản ánh về Bộ (Vụ Kế hoạch – Tài chính) để hướng dẫn giải quyết. / *HL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH**



Phạm Quang Phụng

PHỤ LỤC CHUYÊN SỐ DỰ DỰ TOÁN KINH PHÍ
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG NĂM 2014 SANG NĂM 2015
 (Kèm theo công văn số 145/ULĐTBXH-KHTC ngày 23/4/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Trong đó					Mã KBNN	Tên KBNN
			Kinh phí thực hiện công tác mộ nghĩa trang liệt sĩ	Kinh phí chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng	Kinh phí trợ cấp hàng tháng, một lần, khác	Kinh phí chi quản lý kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi NCC	Kinh phí Đề án xác định bài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo Quyết định số 150		
	Loại - Khoản: 520-527	249.041.599.802	14.839.161.067	1.684.021.100	84.490.782.635	1.155.785.000	146.871.850.000		
1	Bà Rịa - Vũng Tàu	935.000.000	935.000.000	0	0	0	0		
	Khu di tích lịch sử Đền thờ E33 huyện Châu Đức	935.000.000	935.000.000					1715 KBNN Châu Đức	
2	Yên Bái	1.449.000.000	1.449.000.000	0	0	0	0		
	Đền thờ liệt sĩ thị xã Nghĩa Lộ	1.449.000.000	1.449.000.000					2561 KBNN Yên Bái	
3	Bạc Liêu	3.000.000.000	3.000.000.000	0	0	0	0		
	Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	3.000.000.000	3.000.000.000					0911 KBNN Bạc Liêu	
4	Bình Định	5.465.600.000	0	0	5.465.600.000	0	0		
	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	5.465.600.000			5.465.600.000			KBNN các huyện	
5	Bình Dương	2.523.860.545	2.523.860.545	0	0	0	0		
5.1	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Bến Cát	2.250.000.000	2.250.000.000					1812 KBNN Bến Cát	
5.2	Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	273.860.545	273.860.545					1811 KBNN Bình Dương	
6	Đà Nẵng	227.668.750	227.668.750	0	0	0	0		
	Nghĩa trang Hòa Vang	227.668.750	227.668.750					0162 KBNN Hòa Vang	
7	Khánh Hòa	515.691.000	13.292.000	1.899.000	500.000	500.000.000	0		
7.1	Nghĩa trang liệt sĩ Hòn Dung	5.067.000	5.067.000					KBNN Khánh Hòa	
7.2	Nghĩa trang liệt sĩ H. Khánh Sơn	3.191.000	3.191.000					2064 KBNN Khánh Hòa	
7.3	Nghĩa trang liệt sĩ H. Khanh Vĩnh	5.034.000	5.034.000					2066 KBNN Khanh Hòa	
7.4	Trung tâm điều dưỡng và chăm sóc NCC	1.899.000		1.899.000				2061 KBNN Khánh Hòa	
7.5	Trợ cấp thờ cúng	500.000			500.000			KBNN các huyện	
7.6	Kinh phí chi quản lý kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi NCC tại VP Sở	500.000.000				500.000.000		2061 KBNN Khánh Hòa	
8	Lâm Đồng	1.807.600.000	1.100.000.000	0	707.600.000	0	0		
8.1	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	707.600.000			707.600.000			KBNN các huyện	
8.2	Nghĩa trang liệt sĩ H. Đam Rông	1.100.000.000	1.100.000.000					2872 KBNN Đam Rông	
9	Quảng Bình	11.254.729.432	0	0	11.254.729.432	0	0		
9.1	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	11.254.729.432			11.254.729.432			KBNN các huyện	
10	Hải Dương	1.474.852.100	0	1.474.852.100	0	0	0		
	Hỗ trợ XD, sửa chữa TT Điều dưỡng NCC	1.474.852.100		1.474.852.100				0366 KBNN Chi Linh	
11	Bắc Giang	641.187.000	421.587.000	0	219.600.000	0	0		
11.1	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	219.600.000			219.600.000			KBNN các huyện	
11.2	Đền thờ liệt sĩ huyện Tân Yên	221.587.000	221.587.000					1161 KBNN Bắc Giang	
11.3	Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn Q. Tri	200.000.000	200.000.000					1161 KBNN Bắc Giang	
12	Bình Thuận	1.129.587.372	1.129.587.372	0	0	0	0		
	Nâng cấp, sửa chữa mộ liệt sĩ tại nghĩa trang của tỉnh	1.129.587.372	1.129.587.372					1661 KBNN Bình Thuận	
13	Quảng Ngãi	8.296.000.000	0	0	8.296.000.000	0	0		
	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	8.296.000.000			8.296.000.000			KBNN tỉnh, huyện	
14	Thái Nguyên	24.400.000	0	0	24.400.000	0	0		
	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	24.400.000			24.400.000			2263 KBNN Phổ Yên	
15	Thanh Hóa	15.354.847.832	0	0	15.354.847.832	0	0		
	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	15.354.847.832			15.354.847.832			1361 KBNN Thanh Hóa	
16	Tiền Giang	28.378.400	28.378.400	0	0	0	0		
16.1	Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Tiền Giang	7.535.400	7.535.400					0561 KBNN Tiền Giang	
16.2	Nghĩa trang liệt sĩ H. Cái Bè	10.799.600	10.799.600						
16.3	Nghĩa trang liệt sĩ H. Cai Lậy	7.774.800	7.774.800						
16.4	Nghĩa trang liệt sĩ H. Chợ Gạo	2.268.600	2.268.600						
17	Bắc Cạn	3.120.857.000	2.010.787.000	207.270.000	902.800.000	0	0		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Trong đó				Mã KBNN	Tên KBNN	
			Kinh phí thực hiện công tác mặt nghĩa trang liệt sĩ	Kinh phí chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng	Kinh phí trợ cấp hàng tháng, một lần, khác	Kinh phí chi quản lý kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi NCC			Kinh phí Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo Quyết định số 150
17.1	Nghĩa trang liệt sĩ Phú Thông	2.010.787.000	2.010.787.000					2311	KBNN Bắc Kan
17.2	Kinh phí cải tạo CT TT Điều dưỡng NCC và Bảo trợ tính Bắc Kan	207.270.000		207.270.000					
17.3	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	902.800.000			902.800.000				
18	Hà Tĩnh	2.602.785.000	2.000.000.000	0	0	602.785.000	0		
18.1	Nghĩa trang liệt sĩ H.Cẩm Xuyên	2.000.000.000	2.000.000.000					1468	KBNN Cẩm Xuyên
18.2	Kinh phí thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin NCC	602.785.000				602.785.000			
19	Phú Yên	4.318.800.000	0	0	4.318.800.000	0	0		
	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	4.318.800.000			4.318.800.000			2161	KBNN Phú Yên
20	Đồng Nai	353.432.000	0	0	353.432.000	0	0		
	Kinh phí giám định y khoa	353.432.000			353.432.000			1761	KBNN Đồng Nai
21	Bến Tre	37.392.372.371	0	0	37.392.372.371	0	0		
	Chi trả trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	37.392.372.371			37.392.372.371			0611	KBNN Bến Tre
22	Thừa Thiên Huế	200.101.000	0	0	200.101.000	0	0		
	Chi trợ cấp một lần	200.101.000			200.101.000			1611	KBNN T.T Huế
23	Cục Người có công	146.924.850.000	0	0	0	53.000.000	146.871.850.000		
23.1	Thực hiện Đề án theo QĐ 150/2013/QĐ-TTg	146.871.850.000					146.871.850.000		
23.2	Kinh phí giám sát nâng cấp phần mềm quản lý tài chính trợ cấp ưu đãi người có công	53.000.000				53.000.000		0012	KBNN Ba Đình

**PHỤ LỤC SƠ DƯ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG
VỚI CÁCH MẠNG NĂM 2014 KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN SANG NĂM 2015**

(Kèm theo công văn số 1450 /LĐTBXH-KHTC ngày 23 / 4 /2015 của Bộ Lao động -
Thương binh và Xã hội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Trong đó	
			Kinh phí thực hiện công tác mộ nghĩa trang liệt sĩ	Kinh phí Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo Quyết định số 150
	Tổng cộng	1.553.582.306	94.261.600	1.459.320.706
1	Đà Nẵng	54.511.000	54.511.000	0
1.1	Nghĩa trang Quận Ngũ Hành	43.070.000	43.070.000	
1.2	Nghĩa trang liệt sĩ TP Đà	11.441.000	11.441.000	
2	Hà Tĩnh	39.750.600	39.750.600	0
	Nghĩa trang liệt sĩ H. Kỳ Anh	39.750.600	39.750.600	
3	Cục Người có công	1.459.320.706	0	1.459.320.706
	Thực hiện Đề án theo QĐ 150/2013/QĐ-TTg	1.459.320.706		1.459.320.706